

Bản án số: 08/2022/DS-ST  
Ngày: 06 - 01 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Văn Tốt;

Ông Hà Văn Tiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Kim Thu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 590/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 464/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 538/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 22/TB-TA ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng S; Trụ sở: Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Địa chỉ liên lạc: phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Trương A - là Trưởng phòng Kiểm soát rủi ro Chi nhánh B, Ngân hàng S.

**- Bị đơn:** Ông Hồ Huỳnh Quang T; Địa chỉ: phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trương A vắng mặt có đơn xin vắng mặt, ông Hồ Huỳnh Quang T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Ngân hàng S và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 09/5/2016 ông Hồ Huỳnh Quang T có ký với Ngân hàng S, Chi nhánh Bình Thạnh phòng Giao dịch Thị Nghè (nay Phòng Giao dịch Thị Nghè chuyển trực thuộc Chi Nhánh Bến Thành) - gọi tắt là Ngân hàng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng - Các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng Sacombank MasterCard số thẻ 526830-9835 (gọi tắt là thẻ Master) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích

sử dụng là tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch kể từ tháng 5/2016 đến ngày 05/02/2019 với tổng số tiền là 258.425.070 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, ông T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 243.956.374 đồng (trong đó gốc là 207.345.975 đồng, tiền lãi là 36.610.399 đồng) thì ngưng (thứ tự thanh toán theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) nên ngày 06/5/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2022, ông T còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 56.706.898 đồng; lãi quá hạn: 59.557.920 đồng (lãi suất áp dụng là 150% của mức lãi suất 2,6%/tháng). Tổng cộng: 116.264.818 đồng.

Về tiền lãi quá hạn được thực hiện theo thỏa thuận tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Lãi suất hàng tháng do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố đối với toàn bộ dư nợ.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, tuy nhiên ông T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản tại Hợp đồng đã ký.

Nay, Ngân hàng S yêu cầu cá nhân ông Hồ Huỳnh Quang T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2022 là 116.264.818, trong đó: Nợ gốc: 56.706.898 đồng. Lãi quá hạn: 59.557.920. Yêu cầu trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông T còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 06/01/2022 cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Huỳnh Quang T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Trương Avắng mặt có đơn xin vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn là ông Hồ Huỳnh Quang T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ; cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực

hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện ông Hồ Huỳnh Quang T có giao kết hợp đồng tín dụng (theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng” ký ngày 09/5/2016 với Ngân hàng S và được Ngân hàng phê duyệt vào cùng ngày). Do phía ông T vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh của Công an phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Hồ Huỳnh Quang T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ 237 Khu phố 3B (cũ là khu phố 3), phường Thạnh Lộc, Quận 12. Bán nhà đi từ năm 2016 đến nay không rõ địa chỉ mới.

Như vậy, tại thời điểm ký kết “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng” ngày 09/5/2016 với Ngân hàng, bị đơn cung cấp nơi cư trú tại địa chỉ 237 Khu phố 3 (nay là khu phố 3B), phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn không biết địa chỉ nào khác của bị đơn, nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, có cơ sở xác định đơn khởi kiện của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn mà người khởi kiện biết được gần nhất, tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp, xác nhận. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tối cao thì việc ông Hồ Huỳnh Quang T thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng đã ký mà không T báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên xác định bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ 237 Khu phố 3 (nay là khu phố 3B), phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng S do ông Trương Alà người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Hồ Huỳnh Quang T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông Hồ Huỳnh Quang T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai

của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của thẻ tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2022 là 56.706.898 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, ngày 09/5/2016 ông Hồ Huỳnh Quang T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng loại thẻ Sacombank MasterCard số thẻ 526830-9835 (gọi tắt là thẻ Master) với Ngân hàng S (theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” do ông T ký ngày 09/5/2016), được Ngân hàng phê duyệt cùng ngày với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân). Theo Điều 2 của bản “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S”, bản tóm tắt sao kê và bản xác nhận ngày 17/5/2016 do nguyên đơn cung cấp, thẻ hiện bị đơn đã nhận được thẻ và đã phát sinh giao dịch lần đầu vào ngày 05/6/2016. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 258.425.070 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 243.956.374 đồng thì ngưng. Hiện ông T còn nợ số tiền gốc là 56.706.898 đồng. Mặc dù được Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán như đã thỏa thuận và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không T báo cho Ngân hàng về địa chỉ cư trú mới. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng là đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng được quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, nên căn cứ vào Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ và buộc bị đơn phải trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Theo thỏa thuận của hợp đồng thì ông T phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi theo cách tính lãi quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nhưng ông T không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2022 là 59.557.920 đồng theo bảng Tóm tắt sao kê của nguyên đơn cung cấp là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[7] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ sau ngày 06/01/2022 là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Từ những nhận định, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Hồ Huỳnh Quang T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền còn nợ gồm gốc và lãi quá hạn của thẻ Master theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” được Ngân hàng S phê duyệt ngày 09/5/2016.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 389, Điều 401, Điều 405, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 40 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

*Tuyên xử:*

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S:**

1.1. Buộc ông Hồ Huỳnh Quang T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 06/01/2022 phát sinh từ thẻ tín dụng Sacombank MasterCard số thẻ 526830-9835 theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng” được Ngân hàng S phê duyệt ngày 09/5/2016 là 116.264.818 đồng (Một trăm mười sáu triệu, hai trăm sáu mươi bốn ngàn, tám trăm mười tám đồng). Trong đó: nợ gốc là 56.706.898 đồng (Năm mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ sáu ngàn, tám trăm chín mươi tám đồng), lãi quá hạn là 59.557.920 đồng (Năm mươi chín triệu, năm trăm năm mươi bảy ngàn, chín trăm hai mươi đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hồ Huỳnh Quang T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận;

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

#### **2. Về án phí:**

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 5.813.241 đồng (Năm triệu, tám trăm mười ba ngàn, hai trăm bốn mươi một đồng) do ông Hồ Huỳnh Quang T chịu;

2.2. Trả lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.210.152 đồng (Hai triệu, hai trăm mười ngàn, một trăm năm mươi hai đồng) theo Biên lai thu số 0105489 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Điệp**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Điệp**